

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2018
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham G phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thiên H, sinh năm 197X, nơi cư trú: Đường L, phường L1, quận N, Hải Phòng; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quốc T - Luật sư Công ty Luật TNHH Nhất Tâm & Đồng nghiệp thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 197Y, nơi cư trú: Đường N, phường C, quận L, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2018, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị Thiên H trình bày: Chị và anh Phạm Văn M

xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, Hải Phòng vào ngày 4 tháng 3 năm 2009, đến nay có 02 con chung là Phạm Thiên Uyển M, sinh ngày 23/4/2008 và Phạm Trịnh G, sinh ngày 17/8/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung với nhau hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, cách xây dựng kinh tế gia đình; hơn nữa anh M thường xuyên đi làm xa nhà nên không có thời gian quan tâm đến vợ con. Từ đó, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách, không còn tiếng nói chung; hai bên gia đình đã khuyên giải và vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn những rạn nứt nhưng không có kết quả, từ cuối năm 2015 vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm không còn, tiếp tục cuộc sống chung cũng không mang lại hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, chị xin được nuôi con Phạm Trịnh G và đề nghị Giao con Phạm Thiên Uyển M cho anh M nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị H nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Tại các buổi làm việc vào ngày 06/7/2018, ngày 16/7/2018; các buổi hoà giải vào ngày 21/9/2018, ngày 10/10/2018 và tại phiên tòa, anh M đều vắng mặt nhưng đã có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện quan điểm của mình. Về quan hệ hôn nhân: Anh khẳng định trong thời gian chung sống, anh và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị H xin ly hôn thì anh đồng ý; về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, anh xin được nuôi con Phạm Thiên Uyển M và Giao con Phạm Trịnh G cho chị H nuôi dưỡng; về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Quốc Tuấn trình bày: Chị H và anh M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, Hải Phòng vào năm 2009 và có 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Nay chị H xin ly hôn anh M và chị đề nghị Tòa án Go con Phạm Trịnh G, sinh ngày 17/8/2009 cho chị nuôi dưỡng, Giao con Phạm Thiên Uyển M, sinh ngày 23/4/2008 cho anh M được nuôi dưỡng và anh M đồng ý với quan điểm của chị H nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh M xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, Hải Phòng vào năm 2009 và có 02 con chung. Quá trình chung sống, đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh M; về con chung: Giao con chung là Phạm Thiên Uyên M, sinh ngày 23/4/2008 cho anh M nuôi dưỡng; Giao con Phạm Trịnh G, sinh ngày 17/8/2009 cho chị H nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Chị Trịnh Thị Thiên H khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn M. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn; bị đơn cư trú tại địa bàn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

[2] Nguyên đơn chị Trịnh Thị Thiên H và bị đơn anh Phạm Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thiên H và anh Phạm Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 3 năm 2009 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đến Tòa án để làm việc và tiến hành hoà giải nhưng anh M đều không có mặt; còn chị H thì có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải; tại phiên tòa, anh M và chị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tiến hành thu thập chứng cứ xác M về thực trạng hôn nhân giữa chị H và anh M tại nơi cư trú và gia đình cho thấy: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 do bất đồng nhau về quan điểm sống, cách sống, tính cách, anh M thường xuyên đi làm xa nhà, không có thời gian quan tâm tới gia đình, từ đó tình

cảm vợ chồng xa cách và đã sống ly thân từ cuối năm 2015. Do vậy, việc chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh M đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho chị Trịnh Thị Thiên H được ly hôn anh Phạm Văn M là phù hợp.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thiên Uyên M, sinh ngày 23/4/2008 và Phạm Trịnh G, sinh ngày 17/8/2009. Hai bên thống nhất giao con Phạm Trịnh G cho chị H nuôi dưỡng, giao con Phạm Thiên Uyên M cho anh M nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của hai bên là phù hợp với điều kiện, hành cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Thiên H và anh Phạm Văn M.
2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Thiên Uyên M, sinh ngày 23/4/2008 cho anh Phạm Văn M trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Phạm Trịnh G, sinh ngày 17/8/2009 cho chị Trịnh Thị Thiên H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Thiên H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị H đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0012513 ngày 12 tháng 6 năm 2018.

Chị H và anh M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p. Niệm Nghĩa, Lê Chân, HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu H

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu H